

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/HS-ST
Ngày: 15/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Phạm Thanh Tùng.

Các hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lưu Danh Sử

+ Ông Tạ Khắc Nghĩa

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bình –Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N , tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Đào Sỹ Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 15/01/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 90/2018/HSST ngày 03/12/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2018/QĐXXST-HS ngày 27/12/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1972; Tên gọi khác: Không ; Quê quán: Xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nơi ở và ĐKNKTT: Số nhà 07, đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 1/12; Con ông : Nguyễn Văn Đ – Đã mất; Con bà: Nguyễn Thị M – Sinh năm 1938; Chồng: Bùi Văn B- Sinh năm 1975; Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/11/2018 đến ngày 13/11/2018 chuyển tạm giam. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: chị Đinh Thị Kim H, sinh năm 1990; Trú tại: thôn Th, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Vắng - có đơn xin xử vắng mặt.

Người làm chứng : Quách Thị D, Trịnh Thị Th

Những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 45 phút ngày 11/11/2018, Nguyễn Thị T đi vào trong khu vực chợ Q thuộc thôn Đ, xã S, huyện N thì phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda vision, biển kiểm soát 35N1- 146.86 của chị Đinh Thị Kim H ở thôn Th, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình đang dựng trước sạp hàng bán quần áo của chị Quách Thị D ở thôn Đ, xã S, huyện N trên xe mô tô có treo một chiếc túi xách màu đen trắng ở móc treo đồ giữa xe mô tô. Lúc này chị H đi bộ sang quầy hàng bán quần áo của chị Trịnh Thị Th thôn Đ, xã S, huyện N. Nguyễn Thị T đã giả vờ đi đến quầy hàng của chị D xem hàng sau đó T lén lút, bí mật tiến đến chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35N1- 146.86 của chị H và lấy chiếc túi xách màu đen trắng của chị H đang treo ở xe mô tô thì lúc này chị D phát hiện đã nói với chị H và cùng với chị H đuổi theo Nguyễn Thị T, khi đuổi được 20m thì bắt được Nguyễn Thị T đang cầm trên tay chiếc túi xách màu đen trắng của chị H. Chị H đã báo Công an xã S đến giải quyết đưa Nguyễn Thị T cùng tang vật về trụ sở Công an xã S lập biên bản phạm tội quả tang, kiểm tra bên trong túi xách màu đen trắng kích thước 25 x 11x 16 cm có 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng lắp sim 0333603756, số tiền 3.196.000 đồng, 01 điện thoại Nokia 105 lắp sim 0334177546, 01 sạc dự phòng Veger V17 Pro Q.C 3.0, 01 căn cước công dân, 01 chứng nhận đăng kí xe mô tô, 01 thẻ ATM ngân hàng Agriabank. Ngoài

ra còn thu giữ của Nguyễn Thị T 01 ví vải màu nâu bên trong có 35.000 đồng, 01 điện thoại di động Viettel màu trắng lắp sim 0372547489.

Sau khi tiếp nhận vụ việc Công an xã S đã bàn giao Nguyễn Thị T cùng toàn bộ tang vật của vụ án cho Công an huyện N giải quyết theo thẩm quyền.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 39 ngày 13/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: *“Xác định giá trị còn lại của 01 chiếc túi xách màu đen trắng kích thước 25x11x16 trị giá 50.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng lắp sim 0333603756 trị giá 2.000.000 đồng, 01 điện thoại Nokia 105 lắp sim 0334177546 trị giá 100.000 đồng, 01 sạc dự phòng Veger V17 Pro Q.C 3.0 trị giá 100.000 đồng. Tổng trị giá tài sản là 2.250.000 đồng”*.

Quá trình điều tra Nguyễn Thị T đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đinh Thị Kim H toàn bộ tài sản gồm: một chiếc túi xách màu đen trắng kích thước 25 x 11x 16 cm; 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng lắp sim 0333603756; số tiền 3.196.000 đồng, 01 điện thoại Nokia 105 lắp sim 0334177546, 01 sạc dự phòng Veger V17 Pro Q.C 3.0; một căn cước công dân, một chứng nhận đăng ký xe mô tô, 01 thẻ ATM ngân hàng Agriabank. Sau khi nhận lại tài sản chị H không yêu cầu Nguyễn Thị T bồi thường và không có đề nghị gì khác.

Đối với 01 ví vải màu nâu bên trong có 35.000 đồng, 01 điện thoại di động Viettel màu trắng lắp sim 0372547489 thu giữ của Nguyễn Thị T. Quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Bùi Văn B chồng Nguyễn Thị T không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại cho anh B.

Bản cáo trạng số: 90/CT-VKS ngày 03 tháng 12 năm 2018 Viện Kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 18 đến 21 tháng cải tạo không giam giữ. (Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/11/2018 tính đến ngày 15/01/2019 là 66 ngày. Vì vậy bị cáo được trừ 06 tháng 18 ngày chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ). Thời hạn tính từ ngày UBND phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án.

Bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát; không khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố cụ thể như sau: Xuất phát từ việc muốn có tiền tiêu sài Nguyễn Thị T đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt một chiếc túi xách màu đen trắng của

chị Đinh Thị Kim H bên trong túi sách có 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng lắp sim 0333603756, 01 điện thoại nokia 105 lắp sim 0334177546, 01 sạc pin dự phòng Veger V17 Pro QC 3.0, 01 căn cước công dân, 01 giấy chứng nhận đăng kí xe, 01 thẻ ATM ngân hàng Agribank, tiền việt nam đồng 3.196.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Nguyễn Thị T đã chiếm đoạt của chị Đinh Thị Kim H là 5.446.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản số 39 ngày 13/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản và các chứng cứ, tài liệu có liên quan khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Đã đủ cơ sở pháp lý khẳng định bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội: “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Viện kiểm sát nhân dân huyện N vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, nhân thân bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, xét thấy:

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo không chịu lao động vì muốn có tiền để tiêu sài cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật. Đối chiếu với yêu cầu phòng chống tội phạm ở địa phương cần xử phạt bị cáo nghiêm minh tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe những kẻ khác góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm.

Xét về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết xem xét tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tài sản trộm cắp đã trả cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để bị cáo tự cải tạo tại địa phương là đủ.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đinh Thị Kim H toàn bộ tài sản vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nữa.

[4]. Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Bị cáo không có nghề nghiệp, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Miễn việc khấu trừ thu nhập với bị cáo.

[5]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

(Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2018 tính đến ngày 15/01/2019 là 66 ngày. Vì vậy bị cáo được trừ 06 tháng 18 ngày chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ).

Bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày UBND phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình nhận được quyết định thi hành án.

Căn cứ Điều 328 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho UBND phường T, TP. T, tỉnh Ninh Bình và gia đình bị cáo giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành án. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường T trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

3. Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- CA huyện N;
- Những người TGTT;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Thanh Tùng